

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng chương trình đào tạo mới và rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 372/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3074/QĐ-DHLHN ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy định về soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản hành chính;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo đại học và Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng chương trình đào tạo mới và rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo đại học, Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Đảng ủy (để b/c);
- Hội đồng trường (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Cổng thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, ĐTDH, ĐTSĐH.



QUY ĐỊNH

Về xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng chương trình đào tạo mới
và rà soát đánh giá, cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo
của Trường Đại học Luật Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 708 /QĐ-DHLHN ngày 21 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về hoạt động xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng chương trình đào tạo mới và rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học (sau đây gọi chung là chương trình đào tạo (CTĐT)); chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin đối với các CTĐT của Trường Đại học Luật Hà Nội.

2. Văn bản này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng CTĐT mới và rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. CTĐT là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. CTĐT định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

3. CTĐT định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

4. Xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng CTĐT mới bao gồm nhóm các hoạt động xây dựng dự thảo, thẩm định, ban hành và áp dụng CTĐT mới trong các ngành đào tạo của Trường.

HK

5. *Chuẩn đầu vào* (hay yêu cầu đầu vào) của một CTĐT là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học CTĐT.

6. *Chuẩn đầu ra* là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một CTĐT, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

7. *Thành phần của một CTĐT* là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của CTĐT. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của CTĐT, như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác.

8. *Chương trình dạy học* là tổng thể các học phần trong CTĐT và việc sắp xếp, tổ chức các hoạt động giảng dạy các học phần đó trong toàn bộ thời gian đào tạo.

9. *Ngành đào tạo* là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại theo quy định trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

10. *Nhóm ngành đào tạo* là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

11. *Ngành phù hợp:*

a) Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ là ngành có cùng tên và cùng 6 chữ số cuối của mã ngành theo Danh mục thống kê ngành đào tạo; trường hợp ngành đó chưa được đào tạo trong nước ở trình độ tiến sĩ hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp thì ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ.

b) Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành đào tạo ở trình độ tiến sĩ là chính ngành đó; trường hợp ngành chưa được đào tạo trong nước hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp, ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo ở trình độ tiến sĩ.

12. *Môn học, học phần* (sau đây gọi chung là học phần) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong CTĐT. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

13. *Các bên liên quan đến cơ sở giáo dục* bao gồm người học, cựu người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, người sử dụng lao động, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

14. *Đơn vị quản lý đào tạo* là Phòng Đào tạo đại học và Phòng Đào tạo Sau đại học.

Điều 3. Mục tiêu xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng chương trình đào tạo mới và rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo

1. Thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường.
2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo giúp người học đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế, thích ứng tốt với môi trường làm việc luôn thay đổi.
3. Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.
4. Cập nhật kịp thời các thay đổi của quy định pháp luật.
5. Hoàn thiện và chuẩn hóa CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm định chất lượng giáo dục, tiệm cận với tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng chương trình đào tạo mới và rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của Trường.
2. Đảm bảo tính khoa học, minh bạch, hệ thống, cập nhật và kế thừa của các CTĐT.
3. Đảm bảo phát huy tối đa nguồn lực hiện có của Trường.

Chương II

**XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH, ÁP DỤNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MỚI**

Điều 5. Yêu cầu chung đối với chương trình đào tạo

1. Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học, chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành (nếu có) và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
2. Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động.
3. Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp CTĐT đang làm việc đúng chuyên môn.
4. Được tham khảo, đối sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài.
5. Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các môn học hoặc học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của CTĐT được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các môn học hoặc học phần.

6. Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của môn học hoặc học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

7. Có quy định, hướng dẫn thực hiện CTĐT, bảo đảm chất lượng đào tạo.

8. Được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường có ý kiến thông qua trước khi trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành.

Điều 6. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo trình độ đại học

1. CTĐT trình độ đại học phải gắn với một ngành đào tạo, thể hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo và cách thức đánh giá.

2. Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học phải rõ ràng, cụ thể; gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của Trường; thể hiện kỳ vọng về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTĐT; đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng và các bên liên quan.

3. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học phải bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học phải đạt bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Người học tham gia CTĐT trình độ đại học phải đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu vào đối với CTĐT trình độ đại học: Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

5. Khối lượng học tập của CTĐT trình độ đại học là 129 tín chỉ không bao gồm các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng- an ninh theo quy định hiện hành.

6. Phương pháp đào tạo ở trình độ đại học phải được thực hiện bằng cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập. Phối hợp các hình thức học tập trên lớp với tự học, tự nghiên cứu, coi trọng việc phát triển năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của người học và phù hợp với triết lý giáo dục của Trường.

7. Cấu trúc CTĐT trình độ đại học phải gồm các khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc; Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn; Kiến thức giáo dục chuyên sâu bắt buộc; Kiến thức giáo dục chuyên sâu tự chọn.

Điều 7. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

1. CTĐT trình độ thạc sĩ phải gắn với một ngành đào tạo và theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, thể hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo và cách thức đánh giá.

CTĐT định hướng nghiên cứu phải có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

CTĐT định hướng ứng dụng phải có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

2. Mục tiêu của CTĐT trình độ thạc sĩ hướng tới đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, có kiến thức khoa học nền tảng, kiến thức pháp lý chuyên sâu; có kỹ năng thực hành nghề luật; có năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong nghiên cứu; có năng lực phát hiện giải quyết các vấn đề phức tạp do thực tiễn đặt ra phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, góp phần thiết thực vào thực hiện sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao của Trường Đại học Luật Hà Nội.

3. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ thạc sĩ phải bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ thạc sĩ phải đạt bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Người học tham gia CTĐT trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các yêu cầu sau (Chuẩn đầu vào đối với CTĐT trình độ thạc sĩ):

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập và nghiên cứu;

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 hoặc tương đương trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

5. Khối lượng học tập của CTĐT trình độ thạc sĩ là 60 tín chỉ. CTĐT trình độ thạc sĩ phải bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các CTĐT khác của Trường; bảo đảm quy định về chuẩn CTĐT.

6. Phương pháp đào tạo ở trình độ thạc sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp các hình thức học tập trên lớp với tự học, tự nghiên cứu, coi trọng việc phát triển năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên và phù hợp với triết lý giáo dục của Trường.

7. Cấu trúc CTĐT trình độ thạc sĩ phải gồm các khối kiến thức: Kiến thức chung; kiến thức cơ sở ngành; kiến thức ngành; nghiên cứu khoa học (đối với chương trình định hướng nghiên cứu) hoặc thực tập (đối với chương trình định hướng ứng dụng); và luận văn

thạc sĩ (đối với chương trình định hướng nghiên cứu) hoặc đề án tốt nghiệp (đối với chương trình định hướng ứng dụng).

Điều 8. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. CTĐT trình độ tiến sĩ phải gắn với một ngành đào tạo, thể hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo và cách thức đánh giá.

2. Mục tiêu của CTĐT trình độ tiến sĩ hướng tới đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, góp phần nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu tạo ra tri thức, sản phẩm mới, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao; truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, góp phần thiết thực vào thực hiện sứ mạng đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội.

3. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ tiến sĩ phải bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ tiến sĩ phải đạt bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Nghiên cứu sinh tham gia CTĐT trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các yêu cầu sau (Chuẩn đầu vào đối với CTĐT trình độ tiến sĩ):

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành đào tạo thuộc cùng nhóm ngành đào tạo trình độ tiến sĩ;

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 hoặc tương đương trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc tại hội nghị, hội thảo khoa học có phản biện; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

5. Khối lượng học tập của CTĐT trình độ tiến sĩ là 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ và 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học. CTĐT trình độ tiến sĩ phải bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các CTĐT khác của Trường; bảo đảm quy định về chuẩn chương trình giáo dục đại học.

6. Phương pháp đào tạo ở trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn và phù hợp với triết lý giáo dục của Trường.

7. Cấu trúc của CTĐT trình độ tiến sĩ phải bao gồm: các học phần bổ sung kiến thức (áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học), các học phần ở trình độ tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Điều 9. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng xây dựng các CTĐT, có từ 11 đến 15 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và các ủy viên.

2. Thành phần của Hội đồng bao gồm:

a) Đại diện tiêu biểu cho giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo sau đại học của Trường;

b) Chuyên gia phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Đại diện cho đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan.

3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Các thành viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ (đối với CTĐT trình độ đại học và sau đại học) hoặc thạc sĩ (đối với CTĐT trình độ đại học) ngành phù hợp hoặc cùng nhóm ngành đào tạo với CTĐT cần xây dựng. Đối với thành viên là đại diện cho đơn vị sử dụng lao động có thể có trình độ thạc sĩ ngành phù hợp hoặc cùng nhóm ngành đào tạo với CTĐT cần xây dựng và có kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT;

b) Am hiểu về ngành đào tạo, yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo;

c) Có năng lực xây dựng và phát triển CTĐT.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng và các thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT:

a) Hội đồng xây dựng CTĐT có nhiệm vụ triển khai xây dựng CTĐT theo đúng kế hoạch, đảm bảo các yêu cầu đối với CTĐT và tuân thủ theo các hướng dẫn, thủ tục quy trình xây dựng CTĐT của Trường;

b) Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, triển khai kế hoạch xây dựng CTĐT; phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng;

c) Thành viên Hội đồng chịu sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng, tham gia tư vấn, góp ý xây dựng CTĐT.

Điều 10. Quy trình xây dựng các chương trình đào tạo

Bước 1. Theo đề nghị của Đơn vị quản lý đào tạo, Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT và ban hành Kế hoạch xây dựng CTĐT.

Bước 2. Hội đồng xây dựng CTĐT phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí và Phòng công tác sinh viên tổ chức khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp kết hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Bước 3. Dựa trên kết quả khảo sát, Hội đồng xây dựng CTĐT phối hợp với khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo xác định mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT gắn với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường.

Bước 4. Hội đồng xây dựng CTĐT phối hợp với khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng chương trình dạy học; xây dựng nội dung CTĐT, chương trình dạy học đảm bảo mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và đáp ứng các quy định của Trường.

Bước 5. Khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo đối sánh CTĐT đang dự kiến xây dựng với CTĐT, chương trình dạy học cùng trình độ, cùng ngành, chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài; với CTĐT, chương trình dạy học cùng ngành, chuyên ngành nhưng ở trình độ khác của Trường để hoàn thiện CTĐT.

Bước 6. Khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo chủ trì, tổ chức xây dựng các đề cương học phần của CTĐT.

Bước 7. Hội đồng xây dựng CTĐT phối hợp với khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo CTĐT.

Bước 8. Hội đồng xây dựng CTĐT tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo CTĐT.

Đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí và Phòng Công tác sinh viên xây dựng các biểu mẫu cần thiết để hướng dẫn các bên liên quan thực hiện quy trình trên.

Bước 9: Hội đồng xây dựng CTĐT trình Hiệu trưởng xem xét, ký, ban hành CTĐT.

Điều 11. Thẩm định chương trình đào tạo

1. Sau khi hoàn thiện dự thảo CTĐT ở bước 8, theo đề nghị của Đơn vị quản lý đào tạo, Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT để tiến hành thẩm định CTĐT.

a) Thành phần của Hội đồng:

- Số thành viên Hội đồng thẩm định phải là số lẻ, có ít nhất 05 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên;

- Hội đồng thẩm định có tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc 02 cơ sở đào tạo khác nhau và có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động, có kinh nghiệm đào tạo cùng ngành hoặc nhóm ngành và cùng trình độ với CTĐT được thẩm định;

- Các thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT không tham gia Hội đồng thẩm định.

b) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- Các thành viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ ngành phù hợp với CTĐT cần thẩm định; các chuyên gia am hiểu về ngành đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển CTĐT;

- Chủ tịch Hội đồng thẩm định phải có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, là người có uy tín và kinh nghiệm trong việc xây dựng và thẩm định CTĐT;

- Đối với thành viên là đại diện cho đơn vị sử dụng lao động có thể có trình độ thạc sĩ ngành phù hợp với CTĐT cần thẩm định, và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT nhưng chỉ tham gia làm ủy viên Hội đồng thẩm định;

- Trường hợp thẩm định CTĐT ngành mới, chưa có cơ sở nào ở Việt Nam đào tạo, Hội đồng thẩm định gồm những người đủ tiêu chuẩn theo quy định này thuộc cùng nhóm ngành đào tạo, đã nghiên cứu và công bố ít nhất 01 công trình khoa học liên quan đến ngành cần thẩm định.

2. Yêu cầu đối với việc thẩm định CTĐT:

a) Đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn CTĐT, quy chế đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về CTĐT; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định;

b) Kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung; hoặc Hội đồng thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung; hoặc Hội đồng không thông qua CTĐT và nêu lý do không thông qua.

3. Hội đồng thẩm định CTĐT làm việc theo yêu cầu sau:

a) Đảm bảo nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan trong quá trình thẩm định;

b) Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, đơn vị quản lý đào tạo gửi hồ sơ xây dựng CTĐT đến các thành viên Hội đồng thẩm định chậm nhất 07 ngày trước khi họp;

c) Không tổ chức họp thẩm định CTĐT khi thành viên Hội đồng vắng mặt quá 01 người, vắng Chủ tịch Hội đồng hoặc Thư ký;

d) Hội đồng tổ chức họp thẩm định CTĐT trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và đề xuất với Hội đồng xây dựng CTĐT xem xét, chỉnh sửa, hoàn thiện CTĐT;

d) CTĐT được thông qua khi có tối thiểu 3/4 thành viên có mặt bỏ phiếu đạt yêu cầu.

4. Sau khi có kết quả thẩm định, Hội đồng xây dựng CTĐT có trách nhiệm:

a) Giải trình bằng văn bản về việc điều chỉnh, bổ sung CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế theo kết luận của Hội đồng thẩm định (nếu có);

b) Chỉnh sửa và hoàn thiện CTĐT và hồ sơ theo góp ý của Hội đồng thẩm định.

5. Đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí xây dựng các hướng dẫn và biểu mẫu cần thiết để Hội đồng thẩm định làm việc.

Điều 12. Ban hành, công bố và áp dụng chương trình đào tạo

1. Sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định CTĐT, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành để triển khai áp dụng CTĐT.

2. CTĐT được ban hành có hiệu lực kể từ ngày ký và được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định ban hành, việc áp dụng được thực hiện theo quy định của văn bản.

Chương III

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 13. Yêu cầu rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. CTĐT phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được cơ sở đào tạo áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT phải đảm bảo:

a) Đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học và chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành (nếu có);

b) Dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan. Mỗi chuẩn đầu ra phải được đánh giá tối thiểu hai lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT;

c) Làm rõ tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);

d) Đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng CTĐT và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường.

3. Chu kỳ rà soát, đánh giá tổng thể CTĐT tối đa là 05 năm. Định kỳ từ 2 đến 3 năm, Trường tổ chức rà soát đánh giá giữa chu kỳ và chỉnh sửa CTĐT. Ngoài ra, hàng năm tùy thuộc vào yêu cầu cập nhật các văn bản mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc định hướng, chủ trương giảng dạy và học tập của Trường, Hiệu trưởng sẽ quyết định nội dung chỉnh sửa CTĐT. Hiệu trưởng công bố CTĐT sửa đổi, bổ sung sau khi được rà soát, đánh giá.

Điều 14. Quy trình rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. Quy trình rà soát, đánh giá tổng thể để cải tiến chất lượng CTĐT tương tự với quy trình xây dựng, ban hành và áp dụng CTĐT mới.

2. Quy trình rà soát, đánh giá giữa chu kỳ và chỉnh sửa CTĐT được thực hiện tương tự với quy trình rà soát, đánh giá tổng thể để cải tiến chất lượng CTĐT hoặc theo quy trình rút gọn và tổ chức đơn giản hơn, tùy thuộc vào mức độ chỉnh sửa CTĐT. Quy trình rút gọn như sau:

Bước 1. Theo đề nghị của Đơn vị quản lý đào tạo, Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ và chỉnh sửa CTĐT:

- Thành phần, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ và chỉnh sửa CTĐT tương tự như thành phần Hội đồng xây dựng CTĐT;

- Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ và chỉnh sửa CTĐT có nhiệm vụ chỉ đạo đánh giá theo đúng kế hoạch, đảm bảo các yêu cầu và tuân thủ theo các hướng dẫn, thủ tục quy trình đánh giá CTĐT của Trường.

Bước 2. Đơn vị quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng ký ban hành Kế hoạch đánh giá giữa chu kỳ và chỉnh sửa CTĐT.

Bước 3. Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ và chỉnh sửa CTĐT phối hợp với khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo xây dựng dự thảo CTĐT. Dự thảo CTĐT được xây dựng trên cơ sở tham khảo các CTĐT cùng trình độ, cùng ngành đào tạo của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước; ý kiến khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài và các quy định mới cần cập nhật (nếu có).

Bước 4. Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ và chỉnh sửa CTĐT phối hợp với khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo CTĐT.

Bước 5. Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ và chỉnh sửa CTĐT tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo CTĐT.

Bước 6. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành và áp dụng CTĐT sửa đổi, bổ sung.

Bước 7. Đơn vị quản lý đào tạo công bố CTĐT sửa đổi, bổ sung trên Cổng thông tin điện tử của Trường.

3. Đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí xây dựng các biểu mẫu cần thiết để hướng dẫn các bên liên quan thực hiện quy trình trên.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đơn vị quản lý đào tạo

a) Là đơn vị đầu mối tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng CTĐT mới; rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT;

b) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng CTĐT mới; rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT;

c) Lập kế hoạch, cung cấp tài liệu, mẫu biểu cần thiết, hướng dẫn các đơn vị liên quan thực hiện quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng CTĐT mới; rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT; đôn đốc các đơn vị liên quan triển khai công việc theo Kế hoạch;

d) Chịu trách nhiệm báo cáo Vụ Giáo dục Đại học; lưu trữ hồ sơ và công khai thông tin về ngành đào tạo, CTĐT của tất cả các CTĐT trên Cổng thông tin điện tử của Trường theo quy định của pháp luật;

e) Cập nhật dữ liệu về ngành đào tạo, CTĐT lên phần mềm quản lý đào tạo của Trường.

2. Khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo:

a) Tổ chức nghiên cứu và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và chiến lược phát triển đào tạo của Trường theo từng giai đoạn. Trên cơ sở đó, đề xuất và phối hợp với Đơn vị quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch phát triển CTĐT của ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng giai đoạn;

b) Phối hợp cùng Đơn vị quản lý đào tạo và các đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng CTĐT mới và rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng các CTĐT;

c) Tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT được phân công quản lý; phân công giảng viên giảng dạy/quản lý học phần và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

3. Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí:

a) Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác tổ chức tự đánh giá và đánh giá ngoài các CTĐT;

b) Phối hợp với Phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên xây dựng các biểu mẫu liên quan;

c) Chủ trì và phối hợp với Đơn vị quản lý đào tạo lập kế hoạch đảm bảo chất lượng khi triển khai các CTĐT;

d) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tự đánh giá và đánh giá ngoài các CTĐT.

4. Phòng Thanh tra có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện hoạt động xây dựng, thẩm định, ban hành, áp dụng CTĐT mới và rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng các CTĐT theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Các đơn vị khác thuộc Trường có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này về phương diện quản lý đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Đơn vị quản lý đào tạo để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định. 